



AUDITING, INVESTMENT, FINANCE, ACCOUNTING  
AND TAX CONSULTANCY

**Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**TƯ VẤN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, THUẾ - KIỂM TOÁN COM.PT**

**Công ty TNHH Một thành viên Xô số Kiến thiết Cao Bằng**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Của Công ty TNHH Một thành viên Xô số Kiến thiết Cao Bằng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng

Địa chỉ: K028, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

---

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIÁM ĐỐC

**MỤC LỤC**

NỘI DUNG

TRANG

Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8-9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 23





**Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng**

Địa chỉ: K028, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 27/01/2007 về việc chuyển đổi Công ty Xổ số kiến thiết thành Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Cao Bằng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800103442 được cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2007 và cấp lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4800103442 ngày 12 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần thứ 5, ngày 03 tháng 10 năm 2016 là 60.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: K028, phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng.

Điện thoại: 0206.3858.321

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày 31/12/2017 gồm:

Bà Mông Thị Lan	Chủ tịch kiêm Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 25/09/2017, theo Quyết định số: 1568/QĐ-UBND)
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 06/09/2016)
Bà Nguyễn Kim Phượng	Kế toán trưởng

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán COM.PT đã được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 của Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng (Gọi tắt là Công ty) hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính Ban Giám đốc được yêu cầu phải phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị của Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán đã được duy trì để thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Kiến thiết Cao Bằng**

Địa chỉ: K028, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 23. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính năm 2017.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



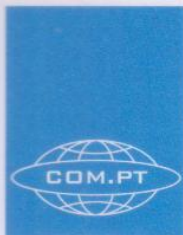
**Mông Thị Lan**

Giám đốc

Cao Bằng, ngày 27 tháng 02 năm 2018

HỒ SƠ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM





AUDIT, ACCOUNTING, FINANCE AND TAX  
MANAGEMENT CONSULTANT

COM.PT CO.,LTD  
32/203, Chua Boc Street, Dong Da  
District, Ha Noi  
Tel: (84-24) 3 5 640 218; 6 2517 402  
Fax: (84-24) 6 2517 402  
Email: comptkiemtoan@gmail.com

Số: 05/2018/BCKT-COM.PT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 của  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CAO BẰNG

**Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC**

**Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27/02/2017, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính") được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 27/02/2018

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng, bao gồm cả việc trình bày hợp lý Báo cáo tài chính trong các trường hợp cần thiết, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tài chính của Công ty không còn sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Chúng tôi không thể tiếp cận hồ sơ chứng từ thanh toán của phần phát sinh tăng Xây dựng dở dang trong năm 2017, nguyên nhân tại thời điểm kiểm toán, bộ hồ sơ chưa được chuyển về Công ty. Với những tài liệu đã được cung cấp và bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung khác, chúng tôi cũng chưa thể khẳng định được sự chính xác của các chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ phần ảnh hưởng nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Lê Thị Hòa**

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0653-2014-069-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2018

**Vũ Hoàng Giang**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0439-2013-69-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>30.920.723.894</b>	<b>29.590.035.419</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>6.019.503.165</b>	<b>1.964.801.407</b>
1. Tiền	111		6.019.503.165	1.964.801.407
- Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)			1.438.976.258	263.019.524
- Tiền gửi ngân hàng			4.580.526.907	1.701.781.883
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>23.565.902.778</b>	<b>26.645.383.333</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.565.902.778	26.645.383.333
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.141.065.875</b>	<b>556.039.582</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	6	67.230.912	67.230.912
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ	133	8	2.196.268	2.196.268
4. Các khoản phải thu khác	135	9	1.272.060.999	687.034.706
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(200.422.304)	(200.422.304)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>169.069.826</b>	<b>249.701.740</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	169.069.826	249.701.740
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.182.250</b>	<b>174.109.357</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		10.256.886	59.183.993
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	14.925.364	114.925.364
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>36.608.506.377</b>	<b>31.610.254.641</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35.640.241.496</b>	<b>31.072.003.851</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		35.640.241.496	2.313.222.716
Nguyên giá	222		38.750.095.753	4.737.142.105
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.109.854.257)	(2.423.919.389)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		194.060.000	194.060.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(194.060.000)	(194.060.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	-	28.758.781.135
- Xây dựng cơ bản dở dang			-	28.758.781.135
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>968.264.881</b>	<b>538.250.790</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	968.264.881	538.250.790
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>67.529.230.271</b>	<b>61.200.290.060</b>



Mẫu số B 01 - DN

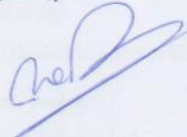
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.522.812.542</b>	<b>4.874.183.757</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.973.307.042</b>	<b>4.296.178.257</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		5.133.570.757	909.192.286
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	925.352.639	137.186.838
5. Phải trả công nhân viên	315		771.250.884	928.322.022
6. Chi phí phải trả	316		-	4.286.053
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	1.275.517	1.275.517
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Dự phòng rủi ro trả thường	321	16	652.863.078	1.802.863.078
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		488.994.167	513.052.463
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>549.505.500</b>	<b>578.005.500</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	15	549.505.500	578.005.500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>59.006.417.729</b>	<b>56.326.106.303</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>59.006.417.729</b>	<b>56.326.106.303</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.975.680.721	52.375.680.721
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.030.737.008	3.950.425.582
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	-
9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>67.529.230.271</b>	<b>61.200.290.060</b>

Người lập biểu



Lê Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Phượng



Trần Thị Lan

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Năm nay

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu (01 = 01.1 + 01.2)</b>	<b>01</b>	<b>18</b>	<b>57.590.135.470</b>	<b>56.918.018.184</b>
1.1. Doanh thu kinh doanh xây dựng	01.1		57.470.135.470	56.814.381.822
1.1.1. Xây dựng truyền thống	01.1.1		2.489.309.091	2.012.463.636
1.1.2. Xây dựng cao	01.1.2		-	-
1.1.3. Xây dựng bóc	01.1.3		545.321.819	727.065.455
1.1.4. Xây dựng lô tô	01.1.4		47.776.777.278	46.732.598.188
1.1.5. Xây dựng điện toán	01.1.5		-	-
1.1.6. Xây dựng lô tô cấp			6.658.727.282	7.342.254.543
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		120.000.000	103.636.362
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu (02=02.1+02.2)</b>	<b>02</b>	<b>19</b>	<b>7.496.104.625</b>	<b>7.410.571.535</b>
2.1. Giảm trừ Doanh thu kinh doanh xây dựng	02.1		7.496.104.625	7.410.571.535
2.1.1. Xây dựng truyền thống	02.1.1		324.692.491	262.495.257
2.1.2. Xây dựng cao	02.1.2		-	-
2.1.3. Xây dựng bóc	02.1.3		71.128.933	94.834.624
2.1.4. Xây dựng lô tô	02.1.4		6.231.753.562	6.095.556.280
2.1.5. Xây dựng điện toán	02.1.5		-	-
2.1.6. Xây dựng lô tô cấp	02.1.6		868.529.639	957.685.374
2.2. Giảm trừ doanh thu khác	02.2		-	-
<b>3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>50.094.030.845</b>	<b>49.507.446.649</b>
3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xây dựng	10.1		49.974.030.845	49.403.810.287
3.1.1. Xây dựng truyền thống	10.1.1		2.164.616.600	1.749.968.379
3.1.2. Xây dựng cao	10.1.2		-	-
3.1.3. Xây dựng bóc	10.1.3		474.192.886	632.230.831
3.1.4. Xây dựng lô tô	10.1.4		41.545.023.716	40.637.041.908
3.1.5. Xây dựng điện toán	10.1.5		-	-
3.1.6. Xây dựng lô tô cấp	10.1.6		5.790.197.643	6.384.569.169
3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		120.000.000	103.636.362
<b>4. Chi phí kinh doanh</b>	<b>11</b>		<b>43.855.670.418</b>	<b>40.990.029.442</b>
4.1. Chi phí kinh doanh xây dựng	11.1		43.855.670.418	40.990.029.442
4.1.1. Chi phí trả thưởng	11.1.1	20	35.296.522.440	32.535.005.255
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xây dựng	11.1.2	21	8.559.147.978	8.455.024.187
4.2. Giá vốn hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2		-	-
<b>5. Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>6.238.360.427</b>	<b>8.517.417.207</b>
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xây dựng (20.1 = 10.1 - 11.1)	20.1		6.118.360.427	8.413.780.845



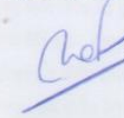
Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng  
 Địa chỉ: K028, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao  
 Bằng, tỉnh Cao Bằng.

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

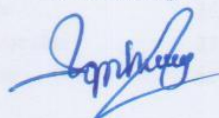
5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác (20.2 = 10.2 - 11.2)	20,2		120.000.000	103.636.362
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21</b>	<b>22</b>	<b>2.321.411.494</b>	<b>1.136.379.668</b>
7. Chi phí tài chính	22	23	-	27.855
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	7.971.469.492	9.240.529.689
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>588.302.429</b>	<b>413.239.331</b>
11. Thu nhập khác	31	25	126.010.865	112.399.952
12. Chi phí khác	32	26	169.893.505	-
13. Lợi nhuận khác	40		(43.882.640)	112.399.952
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>544.419.789</b>	<b>525.639.283</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	142.862.659	105.127.856
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>401.557.130</b>	<b>420.511.427</b>

Người lập biểu



Lê Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Phượng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		47.605.413.711	48.560.350.272
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(29.334.614.427)	(18.916.502.423)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.317.036.495)	(3.423.460.498)
Tiền chi trả lãi vay	04			(27.855)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(116.600.000)	(54.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.614.629.813	2.214.711.169
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20.834.538.077)	(38.732.320.140)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.382.745.475)</b>	<b>(10.351.249.475)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21			
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(23.000.000.000)	
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24		26.145.383.333	
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(39.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			44.459.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.692.063.900	1.018.373.913
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.837.447.233</b>	<b>6.477.373.913</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.600.000.000	2.518.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.600.000.000</b>	<b>2.518.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>4.054.701.758</b>	<b>(1.355.875.562)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>1.964.801.407</b>	<b>3.320.676.969</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>6.019.503.165</b>	<b>1.964.801.407</b>

Người lập biểu



Lê Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Phượng

Cao Bằng, ngày 27 tháng 02 năm 2018

Giám đốc



Mông Thị Lan



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4800103442 ngày 12 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần thứ 5, ngày 03 tháng 10 năm 2016 là 60.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động xây dựng. Chi tiết: Phát hành các loại hình xây dựng: Xây dựng truyền thông, xây dựng mục tiêu, xây dựng báo, xây dựng cao, xây dựng lộ trình, các loại hình vui chơi có thưởng.

- Cho thuê xe có động cơ.
- Dịch vụ cho thuê xe du lịch.
- Cho thuê văn phòng, hội trường, ki ốt, kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.
- Kinh doanh khách sạn nhà hàng.

**Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định của pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

**Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán Công ty áp dụng là đồng Việt Nam (VNĐ) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày BCTC

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 22/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xây dựng và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3. KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01/2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**4.4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng hóa để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại (Vé số lô tổ).

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 "Tài sản cố định hữu hình". Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái sẵn sàng hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính mà chi phí phát sinh trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai, dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư 147/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 09 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là khoản chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

**4.7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Phần mềm máy vi tính**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 "Tài sản cố định vô hình". Bản quyền phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Trong năm 2017 Công ty có chi phí xây dựng cơ bản của Dự án: Trụ sở giao dịch của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Cao Bằng đã được Tổ kiểm toán thuộc Đoàn kiểm toán tại tỉnh Cao Bằng của Kiểm toán Nhà nước khu vực X từ ngày 29/05/2017 đến hết ngày 15/10/2017 và được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn định giá ACC Việt Nam. Dự án được ghi nhận hình thành Tài sản cố định vào ngày 01/11/2017 với nguyên giá: 32.763.891.648 đồng (Chưa VAT) đúng theo số liệu được Kiểm toán Nhà nước xác định. Cuối năm Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không có số dư.

**4.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm các công cụ dụng cụ được sử dụng trong thời gian dài, nguyên giá không quá 30.000.000 đồng chủ yếu là đồ dùng văn phòng phục vụ cho hoạt động kinh doanh: Máy tính, bàn ghế, tủ đựng hồ sơ... Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ không quá 3 năm

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn (chi phí bảo hiểm các loại và phí sử dụng đường bộ của phương tiện, chi phí công cụ dụng cụ và bảo hộ lao động) vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**4.10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận dự phòng rủi ro trả thưởng**

Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập hàng năm tính vào chi phí phát hành xổ số dùng để làm nguồn chi trả thưởng trong trường hợp tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

Dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ được trích lập trong trường hợp: trong năm tài chính, tỷ lệ trả thưởng thực tế của Công ty xổ số kiến thiết nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của cơ chế tài chính.

Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với loại hình sản phẩm xổ số kiến thiết truyền thống, xổ số lô tô, xổ số cao biết kết quả ngay và xổ số bốc biết kết quả ngay.

Mức trích lập hàng năm phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập và doanh nghiệp không bị lỗ.

**4.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCD.**

Quỹ tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách được xác định theo Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành và quỹ tiền lương của người lao động được xác định theo Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

**4.12. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu là vốn Nhà nước giao theo Quyết định giao vốn cho Công ty ở thời điểm giao vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay.

**4.13. Phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ**

Chính sách phân phối lợi nhuận được thực hiện theo:

- Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 do Chính phủ ban hành về vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;
- Thông tư 187/2013/TT-BTC ngày 01/12/2013 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách Nhà nước;
- Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, cụ thể:

Lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh xổ số sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp Thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành, được phân phối như sau:

- Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.
- Lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

+ Trích tối đa 30% vào Quỹ đầu tư phát triển, đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được đầu tư đủ vốn Điều lệ thì không được trích Quỹ đầu tư phát triển.

+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thường Viên chức quản lý doanh nghiệp:

a. *Quỹ thường ban điều hành được trích theo kết quả phân loại doanh nghiệp (không quá 1,5 tháng lương thực hiện của Viên chức quản lý doanh nghiệp);*

b. *Số lợi nhuận còn lại được phân phối vào Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi theo kết quả phân loại doanh nghiệp (không quá 3 tháng lương thực hiện);*

- Sau khi trích lập các Quỹ theo quy định, phần lợi nhuận còn lại do chủ sở hữu quyết định, cụ thể như sau:

. Đối với các doanh nghiệp kinh doanh xổ số chưa được đầu tư đủ vốn điều lệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phần lợi nhuận còn lại được tiếp tục bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp để bổ sung đủ vốn điều lệ theo phương án do chủ sở hữu phê duyệt;

. Riêng đối với các Công ty xổ số kiến thiết do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) làm chủ sở hữu, sau khi thực hiện việc bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất về việc thực hiện này.

**4.14. Mục đích sử dụng các Quỹ**

(i) *Quỹ đầu tư phát triển* : Để bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp.

(ii) *Quỹ khen thưởng được dùng để:*

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty; thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty (ngoại trừ các đại lý đã được nhận phí hoa hồng đại lý theo quy định). Mức thưởng do Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Công ty Xổ số kiến thiết quyết định.

(iii) *Quỹ phúc lợi được dùng để:*

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;
- Góp một phần vốn để đầu tư các công trình phúc lợi trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- Chi trợ cấp khó khăn cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội;
- Việc sử dụng Quỹ phúc lợi do Giám đốc (hoặc Tổng Giám đốc) quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Công đoàn Công ty

(iv) *Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty sử dụng* : Để thưởng cho Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Ban Tổng giám đốc (Ban Giám đốc), Kiểm soát viên, Kế toán trưởng doanh nghiệp. Mức thưởng do Chủ sở hữu quyết định gắn với tiêu chí đánh giá các chức danh này và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty.

**4.15. Các khoản Thuế**

(i) Thuế GTGT, Thuế môn bài, Thuế TNCN được xác định các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến các sắc thuế này.

(ii) *Thuế TNDN*

*Thuế Thu nhập doanh nghiệp* bao gồm Thuế thu nhập hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có). Số thuế thu nhập phải trả hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế trong kỳ khác với lợi nhuận thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay các chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản không chịu thuế hoặc không được khấu trừ theo quy định của Luật Thuế TNDN.

Việc xác định Thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về sắc thuế này. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về Thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Xác định lỗ và chuyển lỗ (nếu có) được xác định theo quy định tại điều 7 tại Nghị định 218/2013 ND-CP ngày 26/12/2013.

(iii) *Thuế tiêu thụ đặc biệt*

Đối với dịch vụ, giá tính Thuế TTĐB là giá cung ứng dịch vụ của cơ sở kinh doanh chưa có Thuế GTGT và chưa có Thuế TTĐB, được xác định như sau: Giá tính Thuế TTĐB = Giá dịch vụ chưa có Thuế GTGT / (1 + Thuế suất Thuế TTĐB)

Đối với loại hình kinh doanh xổ số, giá làm căn cứ xác định giá tính Thuế TTĐB là doanh thu bán vé các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật (doanh thu chưa có Thuế GTGT).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4.16. Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán thành phẩm**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(iii) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**(iv) Thu nhập khác** là các khoản thu nhập ngoài doanh thu bán thành phẩm, doanh thu hợp đồng xây lắp, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính

**4.17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí trả thưởng**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí trả thưởng gồm:

- Chi phí trả thưởng do Công ty trả thưởng trực tiếp cho người trúng thưởng;
  - Chi phí trả thưởng qua đại lý được ủy quyền trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng;
  - Chi phí trả thưởng các giải của vé xổ số liên kết nhận phân bổ theo quy định của Hội đồng xổ số Miền Bắc;
- Các khoản trên được ghi nhận theo số tiền đã trả thưởng cho các loại vé xổ số trúng thưởng trong kỳ

**4.18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hoa hồng đại lý xổ số**

Hoa hồng đại lý là số tiền mà doanh nghiệp kinh doanh xổ số trả cho đại lý xổ số theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị vé xổ số đã bán.

Mức chi hoa hồng đại lý cụ thể do doanh nghiệp kinh doanh xổ số quyết định trong từng thời kỳ nhưng phải đảm bảo nguyên tắc không vượt quá 15% doanh thu bán vé xổ số có thuế của doanh nghiệp (giá trị vé xổ số đã bán). Mức chi hoa hồng đại lý được ghi cụ thể tại Hợp đồng đại lý xổ số được ký giữa doanh nghiệp kinh doanh xổ số và đại lý xổ số.

Trong năm 2017, Công ty đang áp dụng mức trích hoa hồng đại lý cụ thể như sau:

- Vé truyền thống là: 12%
- Vé lô tô là: 13%
- Vé bốc (cào) là: 12%

**4.19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí trực tiếp phát hành xổ số**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí trực tiếp phát hành xổ số gồm:

- Chi phí cho các đại lý;
- Chi phí quay số mở thưởng, giám sát;
- Chi phí chống số đề;
- Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Chi phí về vé số;
- Chi phí thông tin kết quả mở thưởng;
- Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực;
- Chi phí trực tiếp phát hành khác.

**4.20. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí đi vay: ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**4.21. Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác**

(i) *Chi phí quản lý doanh nghiệp* phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

(ii) Chi phí khác là khoản chi phí ngoài các khoản chi phí nêu trên

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.438.976.258	263.019.524
Tiền gửi ngân hàng	4.580.526.907	1.701.781.883
	<b>6.019.503.165</b>	<b>1.964.801.407</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu năm trước	3.630.532	-	3.630.532	-
Đại lý huyện Hà Quảng (Tiền Hạ)	2.000.000	-	2.000.000	-
Vũ Thị Thuý Linh	10.499.050	-	10.499.050	-
Loại do xuất toán TC	1.960.830	-	1.960.830	-
Phải thu xổ số lô tô cặp 2008.	1.485.000	-	1.485.000	-
Vì Ngọc Dương	18.655.500	-	18.655.500	-
Mai Văn Bi (TĐL Nguyễn Bình)	29.000.000	-	29.000.000	-
	<b>67.230.912</b>	<b>-</b>	<b>67.230.912</b>	<b>65.270.082</b>

**7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>23.565.902.778</b>	<b>26.645.383.333</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23.565.902.778	26.645.383.333
TGNH kỳ hạn 01 năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Cao Bằng	8.500.000.000	7.500.000.000
TGNH kỳ hạn 01 năm tại Ngân hàng TMCP Công thương - CN Cao Bằng	11.065.902.778	10.000.000.000
TGNH kỳ hạn 01 năm tại Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Cao Bằng	4.000.000.000	9.145.383.333
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>23.565.902.778</b>	<b>26.645.383.333</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**8. PHẢI THU NỘI BỘ**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Phải thu nội bộ khác	2.196.268	2.196.268
	<b>2.196.268</b>	<b>2.196.268</b>

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu khác</b>	<b>1.272.060.999</b>	<b>-</b>	<b>687.034.706</b>	<b>120.974.458</b>
Thuế TNCN các Tổng đại lý	117.720.294	-	117.720.294	-
Thuế TNCN cán bộ Công ty	27.937.358	-	6.261.065	-
Phải thu lương CBCNV Công ty	422.678.837	-	422.678.837	-
Phải thu thuế hoa hồng đại lý	13.281.458	-	13.281.458	13.281.458
Lê Thành Diệp	107.693.000	-	107.693.000	107.693.000
Loại do xuất toán TC	12.796.069	-	12.796.069	-
Ngân hàng đầu tư và phát triển Cao Bằng (Thị xã Cao Bằng)	241.250.000	-	-	-
Ngân hàng Liên Việt Cao Bằng (Thành phố Cao Bằng)	41.208.160	-	-	-
Ngân hàng Công thương Cao Bằng	280.891.840	-	-	-
Phải thu 138 khác	6.603.983	-	6.603.983	-
	<b>1.272.060.999</b>	<b>-</b>	<b>687.034.706</b>	<b>120.974.458</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Vé xổ số	169.069.826	249.701.740
Vé xổ số truyền thống	-	-
Vé xổ số bốc	42.215.000	50.095.000
Vé xổ số lô tô	100.276.211	160.214.621
Vé xổ số lô tô cặp	26.578.615	39.392.119
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>169.069.826</b>	<b>249.701.740</b>

**11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017		31/12/2016	
	VND	Dự phòng VND	VND	Dự phòng VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	11.589.364	-	11.589.364	10.841.764
Bùi Duy Mên	747.600	-	747.600	-
Nông Văn Thành	10.841.764	-	10.841.764	10.841.764
<b>Tạm ứng</b>	<b>3.336.000</b>	<b>-</b>	<b>103.336.000</b>	<b>3.336.000</b>
Hứa Thị Thu	3.336.000	-	3.336.000	3.336.000
Công ty TNHH Công nghệ HPT Hà Nội	-	-	100.000.000	-
	<b>14.925.364</b>	<b>-</b>	<b>114.925.364</b>	<b>14.177.764</b>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	28.758.781.135
Trụ sở Giao dịch Công ty TNHH MTV Xô số Kiến thiết Cao Bằng	-	28.758.781.135
	<b>-</b>	<b>28.758.781.135</b>

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng  
Địa chỉ: KĐT, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng,  
tỉnh Cao Bằng.

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
a) Ngân hàng	-	-
b) Dài hạn	968.264.881	522.300.790
Chi phí công cụ dụng cụ	968.264.881	522.300.790
	<b>968.264.881</b>	<b>522.300.790</b>
	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 52	3.347.179.564	525.862.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Bắc Việt	75.452.500	226.357.500
Công ty TNHH Vĩnh Cửu	30.000.000	148.424.000
Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Thủ Đô	25.840.693	8.548.786
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Trường Thịnh	823.154.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Thi nghiệm và Xây dựng Hồng Minh	165.509.000	-
Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vĩnh Phúc	50.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn định giá ACC Việt Nam	137.589.000	-
Sở Tài chính Cao Bằng	38.906.000	-
Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hòa Bình	89.760.000	-
Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình Cao Bằng	151.744.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Kim	198.436.000	-
	<b>5.133.570.757</b>	<b>909.192.286</b>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	85.030.261	5.759.297.959	5.633.588.981	(40.678.717)
Thuế TTĐB	696.798.439	7.496.104.625	6.838.920.712	39.614.526
Thuế TNDN	7.757.383	142.862.659	116.600.000	(18.505.276)
Thuế TNCN	112.192.625	225.937.358	198.000.000	84.255.267
Thuế nhà đất	-	227.470.000	227.470.000	-
Các loại thuế khác	13.317.045	3.777.875	3.777.875	13.317.045
Các khoản phí, lệ phí	-	172.893.505	172.893.505	-
	<b>915.095.753</b>	<b>14.028.343.981</b>	<b>13.191.251.073</b>	<b>78.002.845</b>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
a) Ngân hàng	1.275.517	1.275.517
Bảo hiểm xã hội	431.000	431.000
Phải trả phải nộp khác	844.517	844.517
b) Dài hạn	549.505.500	578.005.500
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn (1)	549.505.500	578.005.500
	<b>550.781.017</b>	<b>579.281.017</b>

(1) Đây là khoản đặt cọc đảm bảo bằng tiền mặt của đại lý bán vé xổ số. Mức đặt cọc là 10.000.000 đồng (đối với Tổng đại lý) và 500.000 đồng (đối với đại lý bán lẻ)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**16. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Dự phòng rủi ro trả thưởng	652.863.078	1.802.863.078
	<b>652.863.078</b>	<b>1.802.863.078</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>49.857.680.721</b>	<b>3.824.272.154</b>			<b>53.681.952.875</b>
Tăng vốn năm trước	2.518.000.000	-	-	-	2.518.000.000
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	418.395.006	418.395.006
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối quỹ đầu tư phát triển	-	126.153.428	-	(126.153.428)	-
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(292.241.578)	(292.241.578)
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>52.375.680.721</b>	<b>3.950.425.582</b>	-	-	<b>56.326.106.303</b>
Tăng vốn năm nay	2.600.000.000	-	-	-	2.600.000.000
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	401.557.130	401.557.130
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-
Phân phối quỹ đầu tư phát triển	-	80.311.426	-	(80.311.426)	-
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(321.245.704)	(321.245.704)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>54.975.680.721</b>	<b>4.030.737.008</b>	-	-	<b>59.006.417.729</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số vốn trên đăng kí kinh doanh		Số thực góp tại 31/12/2017	
	VND	%	VND	%
Vốn góp Nhà nước	60.000.000.000	100,00%	54.975.680.721	100,00%
	<b>60.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>54.975.680.721</b>	<b>100,00%</b>

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
<b>Doanh thu bán xổ số</b>	<b>57.470.135.470</b>	<b>56.814.381.822</b>
- Xổ số truyền thống	2.489.309.091	2.012.463.636
- Xổ số bóc	545.321.819	727.065.455
- Xổ số lô tô	47.776.777.278	46.732.598.188
- Xổ số lô tô cặp	6.658.727.282	7.342.254.543
<b>Doanh thu khác (Doanh thu cho thuê ki ốt)</b>	<b>120.000.000</b>	<b>103.636.362</b>
	<b>57.590.135.470</b>	<b>56.918.018.184</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
<b>Thuế tiêu thụ đặc biệt xổ số</b>	<b>7.496.104.625</b>	<b>7.410.571.535</b>
- Xổ số truyền thống	324.692.491	262.495.257
- Xổ số bóc	71.128.933	94.834.624
- Xổ số lô tô	6.231.753.562	6.095.556.280
- Xổ số lô tô cặp	868.529.639	957.685.374
	<b>7.496.104.625</b>	<b>7.410.571.535</b>

**20. CHI PHÍ TRẢ THƯỜNG**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Chi phí trả thường xổ số truyền thống	1.272.188.440	1.027.495.255
Chi phí trả thường xổ số bóc	282.234.000	379.000.000
Chi phí trả thường xổ số lô tô	30.509.400.000	27.376.910.000
Chi phí trả thường xổ số lô tô cặp	3.232.700.000	3.751.600.000
	<b>35.296.522.440</b>	<b>32.535.005.255</b>

**21. CHI PHÍ TRỰC TIẾP PHÁT HÀNH XỔ SỐ**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Chi phí cho đại lý	8.179.230.110	8.086.154.340
Chi phí quay số mở thưởng giám sát	13.598.000	19.477.000
Chi phí chống số đề	10.000.000	10.000.000
Chi phí vé xổ số	296.343.914	279.392.847
Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	-	-
Chi phí đóng góp Hội đồng XSKT Miền Bắc	59.975.954	60.000.000
	<b>8.559.147.978</b>	<b>8.455.024.187</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	-	244.702.040
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.321.411.494	891.677.628
	<b>2.321.411.494</b>	<b>1.136.379.668</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Chi phí tài chính khác	-	27.855
- Lãi tiền vay	-	-
- Lãi chậm nộp bảo hiểm	-	27.855
	<b>-</b>	<b>27.855</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.362.640.877	3.417.809.787
Chi phí vật liệu, đồ dùng	454.366.818	758.461.542
Chi phí khấu hao tài sản cố định	685.934.868	408.736.180
Chi phí thuê, phí, lệ phí	234.247.875	71.864.400
Chi phí dự phòng	-	869.010.678
Chi phí bằng tiền khác	3.234.279.054	3.714.647.102
Cộng	<b>7.971.469.492</b>	<b>9.240.529.689</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**25. THU NHẬP KHÁC**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Thu thanh lý TSCĐ	-	-
Thu nhập khác	126.010.865	112.399.952
<b>Cộng</b>	<b>126.010.865</b>	<b>112.399.952</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính thuế	169.893.505	-
<b>Cộng</b>	<b>169.893.505</b>	<b>-</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Chi phí Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	142.862.659	105.127.856
Các khoản điều chỉnh chi phí Thuế TNDN của các năm trước vào chi phí Thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>142.862.659</b>	<b>105.127.856</b>

	31/12/2017
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước Thuế TNDN	544.419.789
Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu Thuế TNDN	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ vào thu nhập chịu Thuế TNDN	169.893.505
Số lỗ chưa sử dụng (lỗ các năm trước được trừ vào lợi nhuận trước Thuế TNDN)	-
Thu nhập chịu Thuế TNDN	714.313.294
Thuế TNDN	142.862.659
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>142.862.659</b>

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.019.503.165	1.964.801.407	6.019.503.165	1.964.801.407
Phải thu khách hàng, phải thu khác, dự phòng phải thu	1.138.869.607	553.843.314	1.138.869.607	553.843.314
Đầu tư ngắn hạn	23.565.902.778	26.645.383.333	23.565.902.778	26.645.383.333
	<b>30.724.275.550</b>	<b>29.164.028.054</b>	<b>30.724.275.550</b>	<b>29.164.028.054</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	5.684.351.774	1.488.473.303	5.684.351.774	1.488.473.303
Chi phí phải trả	-	4.286.053	-	4.286.053
	<b>5.684.351.774</b>	<b>1.492.759.356</b>	<b>5.684.351.774</b>	<b>1.492.759.356</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.019.503.165	-	-	6.019.503.165
Phải thu khách hàng, phải thu khác	563.350.000	575.519.607	-	1.138.869.607
	<u>30.148.755.943</u>	<u>575.519.607</u>	<u>-</u>	<u>30.724.275.550</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.964.801.407	-	-	1.964.801.407
Phải thu khách hàng, phải thu khác	553.843.314	-	-	553.843.314
	<u>29.164.028.054</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>29.164.028.054</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	5.683.507.257	844.517	-	5.684.351.774
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	<u>5.683.507.257</u>	<u>844.517</u>	<u>-</u>	<u>5.684.351.774</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.488.473.303	-	-	1.488.473.303
Chi phí phải trả	4.286.053	-	-	4.286.053
	<u>1.492.759.356</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.492.759.356</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ phải trả người bán và phải trả khác là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



Công ty TNHH Một thành viên Xô số Kiến thiết Cao Bằng  
Địa chỉ: K028, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng,  
tỉnh Cao Bằng.

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu đầu kỳ được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán COM.PT và đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra của Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng

Người lập biểu

Lê Thị Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Phượng

Cao Bằng, ngày 27 tháng 02 năm 2018

Giám đốc



Trần Thị Lan